

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 63/2020/KDTM-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phân - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí.

2. Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2020/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2020/QĐST-HPT ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 194/2020/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Thông báo về thời gian xét xử số 48/TB-TA ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường N (tên cũ Công ty TNHH Thương mại - Kỹ thuật - Xây dựng N N; địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Viettel, số 285 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 772/39 Đoàn Văn B, Phường S, Quận B, Thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019). (Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên H; địa chỉ: Số 249 (số mới 367) đường Q, Phường M, quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 249 đường Q, Phường M, quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thành V; địa chỉ: Số 2/9 đường Nguyễn Văn Q, phường T, Quận S, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2019, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ngày 12/06/2017 Công ty TNHH Một thành viên H (Sau đây gọi tắt là Công ty Hà Quang A– Bên A) và Công ty TNHH Thương mại - Kỹ thuật - Xây dựng N N (gọi tắt là Công ty Nhật N– Bên B) có ký Hợp đồng thi công xây dựng số: 14/HĐGK/-TCXD (gọi tắt là hợp đồng số14) với nội dung công việc: “Bên A giao cho Bên B thi công xây dựng Phần hệ thống điện, Hệ thống thông gió, thuộc gói thầu Xây dựng nhà máy Công ty Pavonine Vina; Phương thức giao khoán: Bên A giao khoán trọn gói cho bên B thi công thực hiện toàn bộ công việc nói trên, giá trị hợp đồng là: 2.475.000.000 (hai tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu) đồng (đã bao gồm thuế VAT). Ngày 20/06/2017 Bên B đã nhận mặt bằng để tổ chức thi công. Đến ngày 14/11/2017 bên B đã thi công xong hoàn tất các hạng mục công việc theo hợp đồng và bàn giao công trình cho chủ đầu tư là Công ty TNHH Pavonine Vina. Đồng thời Ngày 14/11/2017 Công ty Hà Quang A và Công ty Nhật N đã ký biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

Ngày 30/11/2017 Công ty Nhật N và Công ty Hà Quang A đã ký biên bản đối chiếu công nợ, cụ thể như sau:

- Số tiền theo hợp đồng đã ký bao gồm thuế VAT 10%: 2.475.000.000 đồng.
- Số tiền thực tế đã thi công 2.451.636.000 đồng
- Số tiền bên A đã chuyển cho bên B: 1.230.000.000 đồng
- Số tiền bên A đã trả tiền thi công cầu cạn: 15.000.000 đồng
- Số tiền bên A còn phải chuyển trả cho bên B: 1.206.000.000 đồng

Sau khi 2 bên đối chiếu công nợ, vào ngày 07/12/2017 Bên A đã thanh toán cho bên B số tiền 10.000.000 đồng và ngày 12/02/2018 thanh toán tiếp số tiền 100.000.000 đồng và Bên A đã trả tiền thuê Container làm kho là 21.000.000 đồng. Như vậy số tiền bên A còn phải thanh toán cho bên B là 1.075.000.000 đồng.

Công ty Nhật N đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty Hà Quang A thanh toán số tiền còn nợ là: 1.075.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng) nhưng Công ty Hà Quang A vẫn không thanh toán. Nay Công ty Nhật N khởi kiện yêu cầu Công ty Hà Quang A thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng thi công xây dựng số: 14/HĐGK-TCXD là 1.075.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ 01/12/2017 đến ngày 25/9/2020

với mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể là: 1.075.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 9 tháng 25 ngày = 303.117.750 đồng. Tổng cộng là 1.378.117.750 đồng.

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên H mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ghi nhận được lời khai của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa Công ty TNHH Công nghệ Môi trường N và Công ty TNHH Một thành viên H là tranh chấp đòi tiền của hợp đồng thi công xây dựng, bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ Giấy ủy quyền lập ngày 10 tháng 10 năm 2019 với nội dung: Bên ủy quyền là Công ty TNHH Một thành viên H, địa chỉ: Số 249 đường Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền cho Ông Nguyễn Thành V, căn cước công dân số: 083079000127, hộ khẩu thường trú: Số 2/9 đường Nguyễn Văn Q, phường T, Quận S, Thành phố H được tham gia tố tụng với tư cách là đại diện Công ty TNHH Hà Quang A(bị đơn).

Căn cứ kết quả trả lời xác minh ngày 03/02/2020 của Công an phường T, Quận S, Thành phố H có nội dung: “Đương sự Nguyễn Thành Vĩnh, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 2/9 đường Nguyễn Văn Q, phường T, Quận S, Thành phố H từ 19/9/2009 nhưng không cư trú tại địa phương từ đó đến nay, không rõ địa chỉ cư trú hiện nay”.

Căn cứ kết quả trả lời xác minh ngày 06/9/2019 của Công an Phường 10, quận Gò Vấp có nội dung: “ Tại địa chỉ số 249 Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không còn Công ty TNHH Một thành viên H hoạt động và không có người tên Đặng Văn Q, sinh năm 1964 có hộ khẩu hoặc cư trú tại địa chỉ trên”.

Căn cứ Công văn số 02/ĐKKD-THKT ngày 02/01/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH Một thành viên Hà Quang Ahiện chưa đăng ký giải thể.

Căn cứ quy định tại điểm d Khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự thì địa chỉ số 249 Q, Phường M, quận G, Thành phố H được xác định là địa chỉ trụ sở đồng thời là địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của Công ty Hà Quang A và địa chỉ Số 2/9 đường Nguyễn Văn Q, phường T, Quận S, Thành phố H là địa chỉ của người đại diện hợp pháp bị đơn cư trú gần nhất tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện và thể hiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho Công ty TNHH Một thành viên H nhưng Công ty TNHH Một thành viên H đã vắng mặt đến lần thứ hai.

Tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án nên Công ty TNHH Một thành viên H đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Công ty TNHH Hà Quang A phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét, giải quyết vắng mặt Công ty TNHH Một thành viên H theo Khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng số 14 là 1.075.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng thi công xây dựng số 14/HĐGK-TCXD ngày 12/6/2017 được ký kết giữa Công ty Nhật N và Công ty Hà Quang A có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 398 và Điều 401 Bộ luật dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thực hiện đối với các bên liên quan. Theo đó, nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Hà Quang A giao khoán công việc cho Công ty Nhật N cụ thể là

thi công xây dựng phần hệ thống điện, hệ thống PCCC, hệ thống thông gió thuộc gói thầu “xây dựng nhà máy Công ty Pavonine Vina”.

Theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng số 14 quy định về tạm ứng và thanh toán như sau: “... - Lần 3: Bên A thanh toán cho bên B đến 100% giá trị còn lại trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư quyết toán cho bên A”.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án ban hành Quyết định số 57-1/QĐ-CCTLCC ngày 18/3/2020 về việc yêu cầu Công ty Hà Quang Acung cấp tên, địa chỉ trụ sở của Chủ đầu tư đối với Hợp đồng thi công 14/HĐGK-TCXD ngày 12/6/2017 và hợp đồng ký kết giữa Công ty Hà Quang Avới Chủ đầu tư. Hết thời hạn phía Công ty Hà Quang Akhông có văn bản phản hồi, do đó Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, công văn phúc đáp số 01/2020/CV-PAV ngày 03/01/2020 của Công ty TNHH Pavonine Vina (sau đây gọi tắt là Công ty Pavonine Vina) xác định Chủ đầu tư đối với Hợp đồng số 14 là Công ty Pavonine Vina.

Tại Công văn phúc đáp số 01/2020/CV-PAV ngày 03/01/2020 của Công ty Pavonine Vina cho biết Công ty Pavonine Vina không ký hợp đồng với Công ty Hà Quang Amà ký hợp đồng với Tổng công ty xây dựng Lũng Lô và đã thanh toán xong cho Tổng công ty xây dựng Lũng Lô. Như vậy Chủ đầu tư là Công ty Pavonine Vina không ký hợp đồng với bên A thì không thể phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Chủ đầu tư với bên A để bên A thanh toán lại cho bên B theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thi công số 14. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng ngày 14/11/2017, Bảng quyết toán ngày 30/11/2017 thể hiện Công ty Nhật Nđã hoàn thành công việc theo hợp đồng thi công và căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2017 thể hiện Công ty Hà Quang Acòn nợ Công ty Nhật Nsố tiền 1.206.000.000 đồng.

Sau khi 2 bên đối chiếu công nợ xong Công ty Hà Quang Akhông có ý kiến phản hồi thể hiện Công ty Hà Quang Adã xác nhận nợ. Mặt khác vào các ngày 07/12/2017 và 12/02/2018 Công ty Hà Quang Adã chuyển khoản thanh toán tiếp cho Công ty Nhật N2 lần với số tiền tương ứng là 10.000.000 đồng và 100.000.000 đồng với cùng nội dung “CTY TNHH MTV HA QUANG ANH TRA TIEN THEO HD”.

Như vậy, sau khi căn trừ số tiền Công ty Hà Quang Adã trả tiền thuê Container làm kho là 21.000.000 đồng thì số tiền Công ty Hà Quang Acòn nợ Công ty Nhật Nlà 1.075.000.000 đồng.

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty Nhật Nkhởi kiện yêu cầu Công ty Hà Quang Athanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 14 là 1.075.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu trả lãi chậm thanh toán của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định về Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi

suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Căn cứ vào các thông tin về lãi suất mà Tòa án đã thu thập tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Định, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 9, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Sơn Nhất thì mức lãi suất cho vay trung dài hạn trên thị trường là 10.4%/năm. Như vậy mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là 15.6% năm. Xét thấy, mức lãi suất 10%/năm mà phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thấp hơn mức lãi suất trung bình trên thị trường là có lợi cho bị đơn, nên ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn. Cụ thể tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/12/2017 đến 25/9/2020 được tính như sau:

$1.075.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 2 \text{ năm } 9 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 303.117.750 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.075.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 303.117.750 đồng. Tổng cộng là 1.378.117.750 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 53.343.533 đồng.

Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 24.545.362 đồng theo biên lai thu số 0001299 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 351, Điều 353, Điều 357, Điều 398 và Điều 401 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên H phải trả cho Công ty TNHH Công nghệ Môi trường N(tên cũ Công ty TNHH Thương mại –Kỹ thuật –Xây dựng Nhật Nam) số tiền 1.075.000.000đ (Một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 303.117.750đ (Ba trăm linh ba triệu một trăm mười bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Tổng cộng là 1.378.117.750 (Một tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu một trăm mười bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng), trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Công ty TNHH Một thành viên H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 53.343.533đ (Năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm ba mươi ba đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty TNHH Công nghệ Môi trường N là 24.545.362đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0001299 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Công nghệ Môi trường N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH Một thành viên H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- VKSND. Q. Gò Vấp;
- Chi cục THA DS Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Huệ

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND. Q. Gò Vấp;
- Chi cục THA DS Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ